

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; thường trú: Xóm 1, xã C, huyện T, tỉnh N; tạm trú: 10/9, khu phố B, phường Đ, T phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Bá Th, sinh năm 1986; thường trú: Xóm 1, xã C, huyện T, tỉnh N; tạm trú: 23/12, khu phố B, phường Đ, T phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Bá Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh N. Việc kết hôn của chị Th và anh T là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, chị Th và anh T cùng thuê nhà trọ để sinh sống tại quận Thủ Đức (nay là T phố Thủ Đức), T phố Hồ Chí Minh đến năm 2016 chuyển về thuê trọ để sinh sống tại thị xã Dĩ An (nay là T phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, anh T không cùng chị Th chăm lo kinh tế trong gia đình, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện với nhau, tìm ra cách giải quyết nhưng vẫn không cải thiện, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Bá Th.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có với nhau 01 con chung là cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2013. Hiện con chung đang sinh sống cùng với chị Th. Chị Th yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Bá Th: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh T có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh T không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do, đồng thời chị Th có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân T phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Bá Th đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Bá Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh N vào ngày 03/7/2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị Th xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T đánh đập chị và không cùng chị lo kinh tế trong gia đình, vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh T không đến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Điều này chứng tỏ bản thân anh T cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị Th xác định không còn tình cảm với anh T, hiện anh, chị đang ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Th yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2013. Con chung đang sống cùng với chị Th. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa T niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh T không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, cháu Quỳnh thì có nguyện vọng được sống cùng mẹ, hơn nữa cháu Quỳnh là con gái nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Xét thấy, cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2013 do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương hiện nay và nhu cầu phát triển của cháu nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn, anh Bùi Bá Th phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Bùi Bá Th (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/7/2013).

2. Về con chung: Anh Bùi Bá Th có trách nhiệm giao con chung là cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Bùi Bá Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Thị Như Q đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh Bùi Bá Th có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị Th không có quyền cản trở anh Bùi Bá Th thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Bá Th không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì anh Bùi Bá Th còn phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Th tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049409 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Bùi Bá Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND T phố Dĩ An;
- Chi cục THADS T phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy